TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24/8/2021
"V/v: Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Liên
2. Bà Bùi Thị Phương Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, về việc: "*Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố H, phường H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn V là vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh ngày 09/7/2011. Về mâu thuẫn vợ chồng sau khi kết hôn Chị A và anh V sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2017 thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng, nên vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Nay Chị A xác định không còn tình cảm

với anh Nguyễn V nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị A được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị A và anh V có một con chung là Nguyễn Nhật N, sinh ngày 01/4/2015, hiện đang sinh sống cùng Chị A, nay Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn V trình bày có nội dung như sau:

Anh Nguyễn V và chị Nguyễn Thị Thúy A là vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh ngày 09/7/2011. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2017 thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng, nên vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Nay anh V xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V, anh V cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với Chị A.

Về con chung: Anh V và Chị A có một con chung là Nguyễn Nhật N, sinh ngày 01/4/2015, hiện đang sinh sống cùng Chị A, nay ly hôn thì anh V đồng ý để cho Chị A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A xin ly hôn anh Nguyễn V.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 01/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Anh Nguyễn V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Nguyễn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh ngày 09/7/2011, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm, lối sống, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2017 thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân Chị A trở về sinh sống tại khu phố H, phường H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh còn anh V sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên Chị A nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn V.

Anh Nguyễn V xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nay Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V thì anh V đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho được thuận tình ly hôn với Chị A.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa Chị A và anh V đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung thì không có hạnh phúc, nay Chị A và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị A và anh V là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Hiện nay Chị A đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật N, sinh ngày 01/4/2015 và Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Anh V cũng đồng ý để cho Chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi khi đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A xin ly hôn anh Nguyễn V.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn V.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật N, sinh ngày 01/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N đủ tuổi thành niên.

Anh Nguyễn V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà Chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0004196 ngày 10/6/2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND p. H, Hòa T, Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh